TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST Ngày 28-5-2026 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thơm;
Bà Lương Thị Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lã Thu Quỳnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị S, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Bản C, xã K, tỉnh Lai Châu; *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Bản C, xã K, tỉnh Lai Châu; *(Vắng mặt, không có lý do chính đáng).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2025 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lường Thị S trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị S và anh Lò Văn T tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu). Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại bản Củng, K, tỉnh Lai Châu. Sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến không thể cùng chia sẻ suy nghĩ, công việc cùng nhau, luôn hiểu lầm, cãi vã, thậm chí xô xát, đánh nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm

đến ai. Chị S đã về nhà bố mẹ đẻ tại bản Chế Hạng, xã K sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không thành. Chị Lường Thị S xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lò Văn T.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Lường Thị S và anh Lò Văn T có ba con chung chưa thành niên là cháu Lò Quỳnh C, sinh ngày 08/8/2013; Lò Thị H, sinh ngày 12/8/2015; Lò Trường Q, sinh ngày 19/8/2017. Trong đơn khởi kiện ban đầu, ly hôn, chị Lường Thị S có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Lò Quỳnh C và Lò Thị H, giao cháu Lò Trường Q cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Toà án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị Lường Thị S thay đổi nội dung đề nghị, chị có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Quỳnh C, giao cho anh Lò Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Thị H và Lò Trường Q. Chị S không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Nội dung thay đổi yêu cầu của chị S không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Toà án chấp nhận để xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Lường Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị Lường Thị S đã nộp cho Tòa án: Trích lục kết hôn số 143/2025/TLKH-BS ngày 09/12/2025; bản sao có chứng thực các giấy khai sinh số 92/2015 ngày 25/12/2015, số 53/2016 ngày 29/6/2016, số 109 ngày 07/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã K cấp; bản sao căn cước công dân chị Lường Thị S và xác nhận thông tin về cư trú. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lai Châu đã thụ lý vụ án và xác minh tại nơi cư trú và đại diện hai bên gia đình chị Lường Thị S, anh Lò Văn T xác định: Chị Lường Thị S và anh Lò Văn T sống chung có đăng ký kết hôn 23/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu). Sau khi kết hôn anh chị sống chung tại bản Củng xã Khoen On, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2020 chị Lường Thị S về nhà bố mẹ đẻ tại bản Chế Hạng, xã K sinh sống và anh chị ly thân từ đó đến nay. Anh chị đều là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương là 28.000.000 đồng/năm (khoảng 2.300.000 đồng/người/tháng). Toà án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, xác minh tình

trạng hôn nhân và tiến hành hỏi ý kiến con chung chưa thành niên, kết quả: Cháu Lò Quỳnh C muốn sống cùng mẹ; cháu Lò Thị H, Lò Trường Q muốn sống cùng bố là anh Lò Văn T. Qua xác minh, từ khi anh chị ly thân cả ba con chung đều sống cùng anh Lò Văn T tại bản Củng, xã K, tỉnh Lai Châu, chị S có gửi tiền cấp dưỡng nuôi con chung và các con chung sống cùng anh T được đảm bảo mọi điều kiện sinh hoạt, học tập. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lò Văn T có mặt tại nơi cư trú nhưng không chấp hành các văn bản tố tụng của Toà án. Chị Lường Thị S có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, nên vụ án không tiến hành hoà giải được. Toà án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được, đồng thời thông báo kết quả phiên họp theo quy định và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, chị Lường Thị S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung yêu cầu giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lường Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn.

- Về nuôi con chung: Chị Lường Thị S yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Quỳnh C, giao cho anh Lò Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Thị H, Lò Trường Q. Chị S không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: chị Lường Thị S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Lò Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của của Tòa án, gây khó khăn trong việc tống đạt các văn bản tố tụng nhưng đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, Điều 227, 228, 238, 244, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2, Điều 1 Luật số 85 /2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung

một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án. Điều 39 Bộ luật dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lường Thị S:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị S được ly hôn với anh Lò Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Lường Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lò Quỳnh C, sinh ngày 08/8/2013 cho đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Giao cho anh Lò Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lò Thị H, sinh ngày 12/8/2015 và Lò Trường Q, sinh ngày 19/8/2017 cho đến khi cháu H, cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lường Thị S không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Lường Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lường Thị S yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lò Văn T, cùng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lò Văn T có hộ khẩu thường trú tại bản Củng, xã K, tỉnh Lai Châu. Căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 1 Luật số 85 /2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 18/5/2026, Toà án mở phiên toà lần thứ nhất, anh Lò Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà.

Ngày 28/5/2026, Tòa án mở lại phiên tòa, anh Lò Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng; chị Lường Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, qua xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định: Chị Lường Thị S và anh Lò Văn T sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị S và anh Lò Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị sống chung tại bản Củng, xã K, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống chị S, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Qua xác minh, chị S và anh T phát sinh mâu thuẫn gia đình từ năm 2020 và ly thân từ đó đến nay. Chị Lường Thị S về nhà bố mẹ đẻ tại bản C, xã K, tỉnh Lai Châu sinh sống.

Đại diện thôn bản, chính quyền địa phương xác định vợ chồng chị Lường Thị S và anh Lò Văn T có hộ khẩu thường trú, sinh sống tại xã K, tỉnh Lai Châu, đều chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy định của địa phương. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình động viên, hoà giải nhưng không thành. Hiện nay anh chị đã không còn sống chung. Chị Lường Thị S có đơn khởi kiện ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lường Thị S và anh Lò Văn T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn. Các bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như không còn yêu thương nhau, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình và hiện nay anh chị đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Lường Thị S là có căn cứ phù hợp với các quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị Lường Thị S được ly hôn với anh Lò Văn T.

[3.2] Về nuôi con chung: Căn cứ các giấy khai sinh số số 92/2015 ngày 25/12/2015, số 53/2016 ngày 29/6/2016, số 109 ngày 07/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã K cấp xác định, trong thời kỳ hôn nhân, chị Lường Thị S và anh Lò Văn T có ba con chung chưa thành niên là Lò Quỳnh C, sinh ngày 08/8/2013; Lò Thị H, sinh ngày 12/8/2015; Lò Trường Q, sinh ngày 19/8/2017.

Xét về điều kiện nuôi con, anh Lò Văn T và chị Lường Thị S đều có nơi cư trú rõ ràng tại xã K, tỉnh Lai Châu. Chị Lường Thị S và anh Lò Văn T đều là lao động tự do. Qua xác minh mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại

tại địa phương là 28.000.000 đồng/năm (khoảng 2.300.000 đồng/người/tháng). Như vậy, anh chị đều có mức thu nhập ổn định. Qua xác minh, từ khi anh chị ly thân cả ba con chung đều sống cùng anh Lò Văn T tại bản Củng, xã K, tỉnh Lai Châu, chị S có gửi tiền cấp dưỡng nuôi con chung, các con chung sống cùng anh T được đảm bảo mọi điều kiện sinh hoạt, học tập. Cháu Lò Quỳnh C đang học lớp 7 Trường Trung học cơ sở T1, còn cháu Lò Thị H, Lò Trường Q đang học tại Trường Tiểu học T1.

Tại thời điểm giải quyết vụ án xác định cả ba con chung đã trên 07 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành hỏi ý kiến con chung chưa thành niên, kết quả: Cháu Lò Quỳnh C muốn sống cùng mẹ; cháu Lò Thị H, Lò Trường Q muốn sống cùng bố là anh Lò Văn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn xin xét xử vắng mặt xác định chị Lường Thị S có yêu cầu Toà án giải quyết giao cháu Lò Thị H, Lò Trường Q cho anh Lò Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lò Quỳnh C cho chị Lường Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Yêu cầu trên là phù hợp với điều kiện nuôi con của các đương sự, đả, bảo ổn định cuộc sống không làm xáo trộn môi trường sinh hoạt và học tập của con chung, đồng thời phù hợp với ý kiến của con chung chưa thành niên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Lường Thị S không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không xem xét.

[3.3] Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: Do đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Lường Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 143, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị S và anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lai Châu về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, Điều 227, 228, 238, 244, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án.

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lường Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị S ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho chị Lường Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lò Quỳnh C, sinh ngày 08/8/2013 cho đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Giao cho anh Lò Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lò Thị H, sinh ngày 12/8/2015 và Lò Trường Q, sinh ngày 19/8/2017 cho đến khi cháu H, cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Chị Lường Thị S, anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lường Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) . Xác nhận chị Lường Thị S đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000370 ngày 29/12/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 2 - Lai Châu;
- THA dân sự tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự (Để thi hành);
- UBND xã Khoen On, tỉnh Lai Châu;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký
Quàng Thị Phương

Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.